

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023

V/v Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị V, anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Sơn;

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:184/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Xóm M, xã Hải L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Địa chỉ liên lạc: Xóm 5, xã Hải X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm M, xã Hải L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Ông Đỗ Hữu LT, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm Quang Trung, xã Hải L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị V, ông LT xin vắng mặt; anh L vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Đỗ Văn L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01-01-2002. Sau khi kết hôn, chị V và anh L chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh L một thời gian thì mua nhà đất ở Xóm M, xã Hải L chung sống. Đến năm 2005, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng vào tỉnh Đồng Nai làm kinh tế được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có biểu hiện không chung thủy, chị V đã khuyên bảo anh L nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Từ giữa năm 2007 đến nay, chị V đã về nhà mẹ đẻ ở xã Hải Xuân sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V làm đơn xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị V và anh L có 02 con chung là cháu Đỗ Thị L, sinh ngày 10-12-2003 và cháu Đỗ H L, sinh ngày 23-11-2007. Hiện cháu Ly đã trưởng thành lao động tự lập, còn cháu Lộc đang do chị V nuôi dưỡng nên khi ly hôn, chị V xin được nuôi dưỡng cháu Lộc và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị V và anh L không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị V.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20-12-2022, ông Đỗ Hữu LT là bố đẻ của anh Đỗ Văn L trình bày: Ông xác nhận anh L và chị V kết hôn với nhau năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L chung sống tại nhà ông được thời gian thì mua nhà đất ở Xóm M, xã Hải L chung sống. Đến năm 2005 thì vào trong tỉnh Đồng Nai làm kinh tế được thời gian thì quay về bán nhà đất cho người khác. Đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị V đã về quê và ở nhà bố mẹ đẻ của chị V ở xã Hải Xuân và nuôi dưỡng cháu Lộc, còn cháu Đỗ Thị L ở với vợ chồng ông từ nhỏ và được ông bà nuôi dưỡng, sau khi học hết cấp 3 thì cháu Ly vào

miền nam làm kinh tế. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh L như thế nào thì ông không được biết. Trước đây anh L thỉnh thoảng có về thăm hoặc gọi điện cho vợ chồng ông. Nhưng thời gian gần đây thì không gọi điện hay thư từ gì cho gia đình ông. Hiện nay ông không biết địa chỉ hay số điện thoại của anh L đang ở đâu để cung cấp cho Tòa án. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh L, ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, vợ chồng anh L có 02 con chung, hiện chỉ còn cháu Đỗ H L chưa thành niên đang ở với chị V. Vợ chồng anh L, chị V không có tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung. Do già yếu đi lại khó khăn ông xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa lần 2 nhưng không có mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị V, anh L, ông LT là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị V ly hôn với anh Đỗ Văn L. Về con chung: Giao cháu Lộc cho chị V nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị V và ông Đỗ Hữu LT có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Anh Đỗ Văn L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị V, anh L, ông LT là phù hợp.

2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Đỗ Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 01-01-

2002. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ năm 2007 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị V đề nghị xin được ly hôn, anh L không có ý kiến.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị V thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng do thiếu tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Từ giữa năm 2007 đến nay chị V và anh L đã sống ly nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Đỗ Văn L có 02 con chung là cháu Đỗ Thị L, sinh ngày 10-12-2003 và cháu Đỗ H L, sinh ngày 23-11-2007, hiện cháu Ly đã trưởng thành, lao động tự lập được, còn cháu Lộc đang do chị V nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị V xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lộc; chị V không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị V thì thấy: Cháu Đinh Hữu Lộc hiện đang do chị V nuôi dưỡng, chị V có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lộc cũng có lời khai xin được ở với chị V. Hiện nay, anh L cũng không có mặt tại địa phương. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cần tiếp tục giao cháu Lộc cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị V không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V nên về nghĩa vụ nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh Đỗ Văn L có mọi quyền và nghĩa vụ đối với cháu Lộc là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đỗ Văn L không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này anh L trở về và có tranh chấp về tài sản, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với chị Trần Thị V thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị V phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đỗ Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ H L, sinh ngày 23-11-2007 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên. Anh Đỗ Văn L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006330 ngày 10-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị V đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Ái

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải L;
- Mỗi đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái